

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2024/DS-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v tranh chấp dân sự về dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hồ Thị Thủy.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thống Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024. Về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2024/QĐST-DS, ngày ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Lương Văn T**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị **Đặng Thị Thái B**; Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt; Ông T1, bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Lương Văn T trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2007, ông Lương Văn T có tham gia làm cổ đông của Trạm bơm Đốc Binh Kiều 3, do ông Phạm Văn Q làm trưởng trạm có 13 thành viên. Đến tháng 02/2011, Trạm bơm làm ăn thua lỗ nên họp các thành viên thống nhất giải thể và quá giá Trạm bơm với số tiền 400.000.000 đồng. Ông T đứng ra mua lại Trạm bơm với giá là 400.000.000 đồng, ông T trả đủ tiền cho 12 cổ đông. Vậy kể từ tháng 02/2011, ông T được quyền làm trưởng Trạm bơm Đốc Binh Kiều 3, hoạt động với tư cách là tư nhân.

Trong quá trình hoạt động, ông T là người trực tiếp bơm nước cho các hộ dân ở ấp C, ấp D, xã Đ, trong đó có anh Nguyễn Thanh T1. Từ năm 2019 đến năm 2022, Trạm bơm có bơm nước tưới tiêu cho anh Nguyễn Thanh T1, tổng cộng 09 vụ rưỡi. Diện tích 7.000m², giá bơm nước là 110.000 đồng/1.000m²/1 vụ, thành tiền là 7.315.000 đồng.

Do các hộ dân cố tình không trả tiền bơm nước cho ông T, làm cho ông T lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

Nay, ông Lương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền bơm nước còn nợ 7.315.000 đồng.

Tại phiên họp, ông T trình bày anh T1 sử dụng nước và chưa thanh toán tiền cho trạm bơm từ vụ Đông Xuân năm 2019, Vụ 3 năm 2019, Đông Xuân năm 2020, Hè Thu năm 2020, Vụ 3 năm 2020, Đông Xuân năm 2021, Hè Thu năm 2021, Vụ 3 năm 2021, Đ năm 2022 và ½ Vụ 3 năm 2022, anh T1 canh tác diện tích 07 công, với giá tiền là 110.000 đồng/công/vụ, tổng cộng anh T1 còn nợ số tiền 7.315.000 đồng.

Tại phiên toà, ông T xin thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu tính với giá 80% so với giá bơm nước đất lúa, ông T1 canh tác 7.000m², thời gian là 9,5 vụ, thành tiền là 5.852.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

** Theo Biên bản hòa giải ngày 23/7/2024, bị đơn Nguyễn Thanh T1 trình bày ý kiến:*

Anh T1 chỉ canh tác đất diện tích khoảng 05 công, không phải 07 công như ông T trình bày và anh T1 đã lên vườn trồng sầu riêng từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Trong các vụ mà ông T khởi kiện thì vụ Đông Xuân năm 2019 đã được ông T khởi kiện mẹ anh T1 là bà Lê Thị B1. Đối với vụ Hè Thu 2019 thì anh T1 đã đóng tiền cho trạm bơm theo Phiếu thu tiền ngày 25/5/2019, diện tích 05 công, giá tiền 110.000 đồng với số tiền là 550.000 đồng. Từ Vụ 3 năm 2019 đến vụ Đ 2020 thì anh T1 lên mô sầu riêng nên bỏ 02 vụ không có sử dụng nước, có thông báo cho ông T. Trong năm 2020 đến năm 2021, trạm bơm không hoạt động khoảng 4,5 vụ, không có bơm nước. Đến vụ 3 năm 2022 thì ông T bơm được nửa vụ sau đó thì không bơm nữa.

Đối với yêu cầu của ông T thì anh T1 không đồng ý toàn bộ vì khi lên vườn thì anh T1 có thông báo cho ông T. Khi ông T bơm nước thì ông T không

có ký hợp đồng, không thông báo giá bơm nước, không đi thu tiền. Nếu có chứng cứ chứng minh ông T có bơm nước thì anh T1 sẽ đóng tiền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thái B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về việc nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 519 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T buộc ông Nguyễn Thanh T1, bà Đặng Thị Thái B có trách nhiệm liên đới trả cho ông T nợ thủy lợi phí vụ Đông Xuân năm 2019 với giá 110.000 đồng/1.000m²/1 vụ trên diện tích đất 5.000m² (110.000 đồng/1.000m²/1 vụ x 1 vụ x 5.000m²) số tiền 550.000 đồng; 8,5 vụ từ vụ 3 năm 2019 đến vụ 3 năm 2022 với giá 66.000 đồng/1.000m²/1 vụ trên diện tích đất 5.000m² (66.000 đồng/1.000m²/1 vụ x 8,5 vụ x 5.000m²) số tiền là 2.805.000 đồng, tổng số tiền là 3.355.000 đồng.

- Buộc đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền phí dịch vụ bơm nước còn nợ, ông T1 có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ

khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[1.2] Về chấp hành pháp luật: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1, bà Đặng Thị Thái B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu anh T1 thanh toán tiền cho trạm bơm từ vụ Đông Xuân năm 2019, Vụ 3 năm 2019, Đông Xuân năm 2020, Hè Thu năm 2020, Vụ 3 năm 2020, Đông Xuân năm 2021, Hè Thu năm 2021, Vụ 3 năm 2021, Đ năm 2022 và ½ Vụ 3 năm 2022, anh T1 canh tác diện tích 7.000m², với giá tiền là 110.000 đồng/công/vụ, tổng cộng anh T1 còn nợ số tiền 7.315.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T1 trả số tiền thủy lợi phí còn nợ là 5.852.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

[2.2] Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2024, ông T1 xác định chỉ canh tác diện tích 5.000m², ông T không có căn cứ chứng minh ông T1 canh tác diện tích 7.000m². Nên lời trình bày của ông T1 canh tác 5.000m² đất là có căn cứ.

[2.3] Ông T yêu cầu tính tiền bơm nước với giá là 110.000 đồng/1.000m²/vụ. Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì Trạm bơm Đốc Binh K 6 và Trạm bơm Đốc Binh Kiêu 6 mở rộng thu tiền bơm nước đối với đất vườn là 60% so với đất trồng lúa, Trạm bơm Đốc Binh Kiêu 5 thu tiền bơm nước đối với đất vườn là 50% so với đất trồng lúa.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thu phí bơm nước đối với đất vườn ở cùng khu vực xã Đ giữa các trạm bơm ở mức tương đương 60% so với đất trồng lúa nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho ông T tiền thủy lợi phí ở mức 60% so với đất trồng lúa là phù hợp.

Mặt khác, theo lời khai của người làm chứng và lời trình bày của ông T1 thì có cơ sở xác định ông T1 đã lên vườn từ tháng 4 năm 2019 đến nay, nên đối với vụ Đông Xuân năm 2019 thì anh T1 còn canh tác lúa nên tính giá bơm nước theo giá bơm cho đất lúa là phù hợp. Từ vụ 3 năm 2019 thì anh T1 đã chuyển sang canh tác vườn nên tính theo giá bơm nước với đất vườn bằng 60% so với đất trồng lúa.

Anh T1 cho rằng Trạm bơm của ông T không hoạt động liên tục nhưng không có chứng cứ chứng minh. Theo lời khai của người làm chứng thì từ năm 2019 thì trạm bơm của ông T hoạt động liên tục, đến năm 2022 thì chỉ bơm vụ Đông X và nửa vụ Hè Thu phù hợp như ông T trình bày.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có một phần căn cứ chấp nhận. Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông T tiền thủy lợi phí còn nợ là 3.355.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[2.4] Đối với bà Đặng Thị Thái B đã được triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ Điều 70, Điều 73, Điều 91, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đương sự đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Theo đơn khởi kiện, ông T chỉ yêu cầu ông T1 trả tiền thủy lợi phí, không có yêu cầu bà B liên đới nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm liên đới của bà B.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí do ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có một phần cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 513, Điều 515, Điều 519 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn T.

Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm trả cho ông T số tiền thủy lợi phí còn nợ là 3.355.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T1 trả số tiền thủy lợi phí là 2.497.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí do ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Quốc Thái